

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

M.S.D.

M.S.D.

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Dũng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Ông Phùng Tiến Toàn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Ông Phùng Tiến Toàn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Ông Đỗ Đương Quy	Thành viên
Ông Vũ Quang Anh	Thành viên
Ông Dương Đức Tính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Bà Phùng Thủy Hoa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trương Vĩnh Hùng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Đào Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông Lưu Việt Bắc	Thành viên
Bà Phùng Ngọc Dung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Trương Vĩnh Hùng - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Số: 033003/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Logistics Hàng không**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 35 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Hàng không chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2024

Hoàng Văn Phúc
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3362-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.525.400.971.207	1.304.053.088.730
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	669.895.487.350	506.966.531.080
1. Tiền	111		84.895.487.350	123.129.531.385
2. Các khoản tương đương tiền	112		585.000.000.000	383.836.999.695
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		404.641.378.102	366.418.629.636
1. Chứng khoán kinh doanh	121		5.332.500	6.077.100
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12a	404.636.045.602	366.412.552.536
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		433.880.291.022	377.542.970.455
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	214.715.655.542	115.259.661.059
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	6.436.840.617	12.051.818.479
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	27.800.000.000	35.300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	185.498.172.888	215.057.125.073
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(570.378.025)	(125.634.156)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	1.779.423.096	32.714.609.644
1. Hàng tồn kho	141		1.779.423.096	32.714.609.644
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.204.391.637	20.410.347.915
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	5.416.570.111	6.445.007.468
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.696.290.131	13.293.567.678
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14a	4.091.531.395	671.772.769
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.414.940.530.613	1.398.783.518.086
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		89.420.231.860	7.629.792.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	89.420.231.860	7.629.792.000
II. Tài sản cố định	220		636.197.326.923	664.417.379.358
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	628.562.634.975	654.008.332.432
- Nguyên giá	222		1.215.631.850.109	1.156.003.741.647
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(587.069.215.134)	(501.995.409.215)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	7.634.691.948	10.409.046.926
- Nguyên giá	228		19.632.515.844	19.512.615.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.997.823.896)	(9.103.568.918)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		161.451.997.250	202.816.688.289
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	161.451.997.250	202.816.688.289
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	320.638.623.518	297.745.179.240
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		280.548.623.518	257.655.179.240
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		40.090.000.000	40.090.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		207.232.351.062	226.174.479.199
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	82.310.430.926	82.119.249.117
2. Lợi thế thương mại	269	V.11	124.921.920.136	144.055.230.082
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.940.341.501.820	2.702.836.606.816



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		279.969.455.380	211.177.541.670
I. Nợ ngắn hạn	310		266.580.196.075	197.990.795.824
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	78.785.915.376	69.495.306.940
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		635.267.479	466.851.410
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14b	33.494.515.747	19.528.579.288
4. Phải trả người lao động	314		61.807.199.958	76.787.358.538
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	13.898.708.271	5.156.704.896
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		796.908.297	776.531.578
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	64.982.280.126	15.058.770.828
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	67.083.315	161.000.004
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.112.317.506	10.559.692.342
II. Nợ dài hạn	330		13.389.259.305	13.186.745.846
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	13.389.259.305	13.119.662.531
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	-	67.083.315
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.660.372.046.440	2.491.659.065.146
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2.660.372.046.440	2.491.659.065.146
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.102.723.680.000	1.002.476.860.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		164.537.981.018	164.537.981.018
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		219.527.000.000	219.527.000.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.617.064.303	11.617.064.303
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.656.422.563	1.656.422.563
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		551.017.191.685	494.613.142.126
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		331.914.219.157	214.987.748.156
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		219.102.972.528	279.625.393.970
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		609.292.706.871	597.230.595.136
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.940.341.501.820	2.702.836.606.816



Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vinh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.360.295.343.186	1.526.657.078.992
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.360.295.343.186	1.526.657.078.992
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	781.175.235.619	825.400.341.208
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		579.120.107.567	701.256.737.784
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	51.906.283.732	23.404.729.267
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	184.149.769	734.781.017
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		147.019.035	579.431.186
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		21.543.444.278	38.381.845.197
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	17.113.269.545	23.888.242.768
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	175.425.802.037	184.301.698.713
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		459.846.614.226	554.118.589.750
12. Thu nhập khác	31		2.467.071.859	1.785.482.770
13. Chi phí khác	32		5.905.601.432	2.536.107.490
14. Lợi nhuận khác	40		(3.438.529.573)	(750.624.720)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		456.408.084.653	553.367.965.030
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	51.389.546.012	56.524.202.468
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		405.018.538.641	496.843.762.562
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		219.102.972.528	279.625.393.970
- Lợi nhuận sau thuế cổ đông không kiểm soát	62		185.915.566.113	217.218.368.592
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.966	2.509
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	1.966	2.509



Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	456.408.084.653	553.367.965.030
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	90.350.820.709	83.961.392.548
Các khoản dự phòng	03	444.743.869	(303.884.612)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	23.634.240	(508.005.276)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(48.680.135.542)	(22.585.359.174)
Chi phí lãi vay	06	147.019.035	579.431.186
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	498.694.166.964	614.511.539.702
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(197.074.994.894)	106.996.207.968
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	30.935.186.548	(30.378.379.200)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	43.055.013.055	(28.205.902.841)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	837.255.548	20.544.902
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13	744.600	(6.077.100)
Tiền lãi vay đã trả	14	(147.019.035)	(579.431.186)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(37.269.660.310)	(56.240.291.199)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(17.276.839.183)	(12.534.631.967)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	321.753.853.293	593.583.579.079
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(55.694.743.760)	(79.135.720.632)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	451.300.000	1.365.759.092
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(254.626.792.533)	(413.780.688.182)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	223.903.299.467	97.054.366.913
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	45.657.519.427	22.030.898.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(40.309.417.399)	(372.465.384.321)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của CSH	31	-	6.657.300.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(161.000.004)	(22.122.267.823)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(118.330.845.380)	(272.253.189.001)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(118.491.845.384)	(287.718.156.824)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	162.952.590.510	(66.599.962.066)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	506.966.531.080	573.058.487.870
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(23.634.240)	508.005.276
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	669.895.487.350	506.966.531.080



Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (tên cũ là Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Hàng không, tên giao dịch quốc tế là Aviation Logistics Joint Stock Company, tên viết tắt là ALS) (gọi tắt là "Công ty") là Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102355611 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2007. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 28 tháng 12 năm 2023.

Công ty có trụ sở đăng ký kinh doanh tại Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài, Xã Phú Minh, Huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần nhất của Công ty là: 1.102.723.680.000 đồng (*Một nghìn một trăm lẻ hai tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cho thuê kho bãi và dịch vụ logistics hàng không.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Dịch vụ vận tải mặt đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan vận tải; Chi tiết: Dịch vụ làm thủ tục Hải quan; Dịch vụ kiểm tra cân hàng; Dịch vụ hỗ trợ vận chuyển (đóng gói bao bì, giao nhận tại nhà, dịch vụ vận chuyển mặt đất); Dịch vụ nhận, gửi, chuyển phát hàng hóa; Đại lý vận tải Dịch vụ Logistics;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải Hàng không; Chi tiết: Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Chi tiết: Hoạt động kho bãi (dịch vụ đại lý kho vận, dịch vụ kho ngoại quan);
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ; Chi tiết: Hoạt động của bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy; và
- Giáo dục nghề nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Công ty con:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH ALS Bắc Ninh	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại KCN Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
2	Công ty Cổ phần ALS Đông Hà Nội	Bắc Ninh	55,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hóa kéo dài tại KCN VSIP Bắc Ninh và khu vực phía Đông Hà Nội.
3	Công ty Cổ phần Nhà ga Hàng hóa ALS	Hà Nội	50,05%	Vận hành trực tiếp Nhà ga hàng hoá ALS.
4	Công ty TNHH Dịch vụ Kho vận ALS	Hà Nội	100,00%	Cung cấp các dịch vụ trọng yếu như phục vụ hàng hóa hàng không; kho vận; phục vụ hàng hóa hàng không tại kho hàng không kéo dài.
5	Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS	Hà Nội	100,00%	Thực hiện các hoạt động đầu tư, cung cấp các giải pháp, cơ sở hạ tầng Logistics tại Việt Nam.
6	Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ	Bắc Ninh	51,00%	Vận hành và khai thác ga hàng hoá kéo dài tại Bắc Ninh.
7	Công ty Cổ phần Khang Việt Hà	Bắc Ninh	50,10%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
8	Công ty TNHH Giải pháp TNG	Hà Nội	100,00%	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Công ty liên kết:

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Hà Nội	27,00%	Vận tải, cho thuê kho bãi, văn phòng.
2	Công ty Cổ phần ALS SDS	Hà Nội	48,00%	Dịch vụ Logistics giao nhận, vận tải.
3	Công ty Cổ phần Logistics ALAC	Hà Nội	45,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

7. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.063 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.235 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh, thời gian hữu dụng ước tính tối đa không quá 10 năm). Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Chứng khoán kinh doanh (Tiếp theo)

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện, vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình tại Công ty là phần mềm máy tính.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm máy tính	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm xe ô tô,... và tiền thuê đất được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được tính và ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	14.146.421.472	15.207.595.698
Tiền gửi ngân hàng	70.749.065.878	107.921.935.687
Các khoản tương đương tiền	585.000.000.000	383.836.999.695
Cộng	669.895.487.350	506.966.531.080

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Samsung SDS GSCL Việt Nam	17.124.087.264	15.644.707.370
Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL (Việt Nam)	18.802.829.586	3.194.591.001
Công ty Cổ phần ALS SDS	11.821.198.983	11.234.457.666
Korean Air	10.416.205.692	3.454.162
Công ty TNHH Samsung SDS Việt Nam	4.441.905.401	3.418.927.549
Các khách hàng khác	152.109.428.616	81.763.523.311
Cộng	214.715.655.542	115.259.661.059
Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	12.419.440.280	12.078.778.170

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng CGD Việt Nam	3.017.461.000	3.058.347.100
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây lắp Điện Tuấn Minh	1.136.828.950	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Thương mại Nội Bài	995.795.519	1.701.694.905
Trả trước cho người bán khác	1.286.755.148	6.291.776.474
Cộng	6.436.840.617	12.051.818.479

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Long Thành	17.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinh Kiệt	10.800.000.000	12.300.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Hồng Vân	-	3.000.000.000
Cộng	27.800.000.000	35.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác		
Tạm ứng	83.247.687.126	106.655.199.238
Ký cược, ký quỹ	337.237.800	283.643.600
Phải thu lãi dự thu tiền gửi, tiền cho vay	4.534.713.773	1.568.024.593
Phải thu khác	97.378.534.189	106.550.257.642
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Phải thu về hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế</i>	33.646.495.000	33.646.495.000
- <i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	63.732.039.189	72.903.762.642
Cộng	185.498.172.888	215.057.125.073
b. Phải thu dài hạn khác		
Ký cược, ký quỹ	981.400.000	922.792.000
Phải thu dài hạn khác	1.519.883.260	6.707.000.000
Ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (i)	86.918.948.600	-
Cộng	89.420.231.860	7.629.792.000
Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	33.646.495.000	33.646.495.000

(i) Ứng trước tiền bồi thường giải phóng mặt bằng cụm công nghiệp Ngô Quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**6. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	794.810.382	-	1.096.701.598	-
Công cụ, dụng cụ	688.082.673	-	1.181.168.408	-
Hàng hoá	296.530.041	-	295.324.041	-
Hàng hóa bất động sản	-	-	30.141.415.597	-
Cộng	1.779.423.096	-	32.714.609.644	-

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.715.836.190	2.590.243.175
Chi phí bảo hiểm	1.647.396.073	2.244.395.628
Chi phí trả trước khác	2.053.337.848	1.610.368.665
Cộng	5.416.570.111	6.445.007.468
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất	68.052.958.110	70.270.599.115
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.317.563.903	3.416.295.520
Chi phí trả trước khác	11.939.908.913	8.432.354.482
Cộng	82.310.430.926	82.119.249.117

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	684.056.331.033	231.237.096.379	169.651.194.768	54.309.175.858	16.749.943.609	1.156.003.741.647
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.310.993.449	9.518.408.699	28.955.071.219	3.525.105.000	76.986.000	54.386.564.367
Mua trong năm	1.636.022.450	2.388.301.043	2.412.537.979	383.235.000	1.199.580.500	8.019.676.972
Thanh lý tài sản cố định	(606.035.484)	(444.142.857)	(1.587.956.364)	-	(139.998.172)	(2.778.132.877)
Số dư cuối năm	697.397.311.448	242.699.663.264	199.430.847.602	58.217.515.858	17.886.511.937	1.215.631.850.109
HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	209.856.271.455	125.138.744.627	120.684.643.953	38.072.877.804	8.242.871.376	501.995.409.215
Khấu hao trong năm	39.133.916.124	23.080.922.510	16.992.392.964	6.508.384.667	1.740.949.466	87.456.565.731
Thanh lý tài sản cố định	(294.465.672)	(444.142.857)	(1.504.153.111)	-	(139.998.172)	(2.382.759.812)
Phân loại lại	(513.885.374)	(924.147.595)	(28)	16.776.310	1.421.256.687	-
Số dư cuối năm	248.181.836.533	146.851.376.685	136.172.883.778	44.598.038.781	11.265.079.357	587.069.215.134
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	474.200.059.578	106.098.351.752	48.966.550.815	16.236.298.054	8.507.072.233	654.008.332.432
Tại ngày cuối năm	449.215.474.915	95.848.286.579	63.257.963.824	13.619.477.077	6.621.432.580	628.562.634.975

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 132.478.839.825 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 123.689.061.205 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	19.512.615.844	19.512.615.844
Mua trong năm	119.900.000	119.900.000
Số dư cuối năm	19.632.515.844	19.632.515.844
HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	9.103.568.918	9.103.568.918
Khấu hao trong năm	2.894.254.978	2.894.254.978
Số dư cuối năm	11.997.823.896	11.997.823.896
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	10.409.046.926	10.409.046.926
Tại ngày cuối năm	7.634.691.948	7.634.691.948

Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 461.677.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 461.677.500 đồng).

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng cơ bản	161.451.997.250	202.816.688.289
Xây dựng ga hàng hóa tại Nội Bài- Dự án 2	92.356.498.646	91.363.800.056
Dây chuyền thiết bị kiểm tra hàng hóa	-	28.905.615.219
Dự án Cụm công nghiệp Ngô Quyền	4.538.425.971	2.273.547.907
Dự án Khu kinh doanh thương mại tổng hợp, kho, bãi tập kết, sang chuyển hàng hóa và các dịch vụ Logistics	48.543.178.574	42.073.552.454
Dự án 4.3 ha	529.086.342	16.972.920.405
Dự án Đầu tư Xây dựng Cảng cạn (ICD) và Dịch vụ Hỗ trợ (Logistics) tại Thị xã Mỹ Hào và Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	8.341.348.485	8.341.348.485
Dự án khác	7.143.459.232	12.885.903.763
Cộng	161.451.997.250	202.816.688.289

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Công ty Cổ phần Tiếp vận Thế kỷ VND	Công ty Cổ phần Khang Việt Hà VND	Công ty TNHH Giải pháp TNG VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	200.612.011.061	19.899.044.112	2.320.837.437	222.831.892.610
Tăng do hợp nhất	-	-	5.097.006.960	5.097.006.960
Giảm do hợp nhất	-	-	(2.320.837.437)	(2.320.837.437)
Số dư cuối năm	200.612.011.061	19.899.044.112	5.097.006.960	225.608.062.133
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	75.229.504.148	3.150.681.984	396.476.396	78.776.662.528
Phân bổ trong năm tại Công ty mẹ	20.061.201.106	1.989.904.411	254.850.348	22.305.955.865
Phân bổ trong năm tại Công ty con	-	-	116.041.872	116.041.872
Giảm do hợp nhất	-	-	(512.518.268)	(512.518.268)
Số dư cuối năm	95.290.705.254	5.140.586.395	254.850.348	100.686.141.997
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	125.382.506.913	16.748.362.128	1.924.361.041	144.055.230.082
Tại ngày cuối năm	105.321.305.807	14.758.457.717	4.842.156.612	124.921.920.136

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 1 năm	404.636.045.602	404.636.045.602	366.412.552.536	366.412.552.536
Cộng	404.636.045.602	404.636.045.602	366.412.552.536	366.412.552.536

b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần theo PP VCSH	Giá gốc	Giá trị thuần theo PP VCSH
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	97.200.000.000	77.195.967.464	97.200.000.000	63.658.338.636
Công ty Cổ phần ALS SDS	7.105.000.000	202.002.656.054	7.105.000.000	193.996.840.604
Công ty Cổ phần Logistics ALAC	1.350.000.000	1.350.000.000	-	-
Cộng	105.655.000.000	280.548.623.518	104.305.000.000	257.655.179.240

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
	Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	3.703.722	40.090.000.000	83.704.117.200	-	3.703.722	40.090.000.000	95.556.027.600
Cộng		40.090.000.000	83.704.117.200	-		40.090.000.000	95.556.027.600	-

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS, Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài
 xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG	12.466.269.225	12.466.269.225	5.987.755.806	5.987.755.806
Công ty Cổ phần Tập đoàn ASG - Chi nhánh Bắc Ninh	8.039.868.840	8.039.868.840	7.529.549.170	7.529.549.170
Công ty TNHH Hà Sơn	10.381.733.219	10.381.733.219	8.662.165.415	8.662.165.415
Các đối tượng khác	47.898.044.092	47.898.044.092	47.315.836.549	47.315.836.549
Cộng	78.785.915.376	78.785.915.376	69.495.306.940	69.495.306.940
Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	1.096.117.364	1.096.117.364	1.084.110.436	1.084.110.436

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	294.265.694	82.518.269	294.265.694	82.518.269
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	321.908.921	-	321.908.921
Thuế thu nhập cá nhân	66.201.060	2.435.285.895	2.392.868.085	108.618.870
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.731.064.641	3.528.033.629	7.100.371.561	158.726.709
Cộng	4.091.531.395	6.367.746.714	9.787.505.340	671.772.769
b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	3.646.191.731	74.433.076.508	71.930.575.303	1.143.690.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.979.305.188	51.067.637.091	37.269.660.310	15.181.328.407
Thuế thu nhập cá nhân	869.018.828	13.488.560.599	15.823.102.126	3.203.560.355
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.065.652.315	1.065.652.315	-
Cộng	33.494.515.747	140.054.926.513	126.088.990.054	19.528.579.288

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dịch vụ hàng hóa đã nhận	778.462.925	85.290.000
Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài - ACV	1.492.676.352	693.376.833
Các khoản trích trước khác	11.627.568.994	4.378.038.063
Cộng	13.898.708.271	5.156.704.896
Trong đó: Chi phí phải trả bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	95.081.672	54.182.831

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	1.679.210.209	2.669.280.052
Các khoản bảo hiểm	271.310.517	210.518.413
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	34.973.771.119	882.523.499
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.500.328.345	780.320.000
Phải trả khác	17.557.659.936	10.516.128.864
Cộng	64.982.280.126	15.058.770.828
b. Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.389.259.305	13.119.662.531
Cộng	13.389.259.305	13.119.662.531
Trong đó: Phải trả khác là bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	82.726.350	82.726.350



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Cộng	-	-	-	-	-	-
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	67.083.315	67.083.315			161.000.004	161.000.004
<i>(Chi tiết tại thuyết minh số V.18)</i>						
Cộng Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	67.083.315	67.083.315			161.000.004	161.000.004

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - (i) Chi nhánh Đông Anh	67.083.315	67.083.315	-	161.000.004	228.083.319	228.083.319
Cộng	67.083.315	67.083.315	-	161.000.004	228.083.319	228.083.319
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	67.083.315	67.083.315			161.000.004	161.000.004
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	67.083.315	67.083.315			161.000.004	161.000.004
Cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-			67.083.315	67.083.315

- (i) Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 19/2019-HĐCVĐAT/NHCT44-ALSI ngày 23/05/2019 giữa Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng ALS với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh, số tiền vay không quá 805.000.000 đồng. Lãi suất vay trong năm đầu tiên là 8,9%/năm, các năm còn lại được xác định và điều chỉnh theo từng giấy nhận nợ. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay để thanh toán các khoản chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mua xe ô tô Toyota Fortuner 2.7v 4x2AT, loại 7 chỗ, nhập khẩu nguyên chiếc từ Indonesia phục vụ cho công tác văn phòng và điều hành khác. Tài sản đảm bảo được quy định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 24/2019/HĐBĐ/NHCT144-ALSI ngày 17/05/2019 là xe ô tô con mới Toyota Fortuner biển kiểm soát 30F-744.72. Giá trị tài sản đảm bảo được định giá là 1.150.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm trước	907.308.540.000	162.318.881.018	154.385.000.000	11.617.064.303	1.656.422.563	434.112.764.927	609.328.856.069	2.280.727.528.880
Tăng vốn trong năm	95.168.320.000	2.219.100.000	65.142.000.000	-	-	(155.872.120.000)	-	6.657.300.000
+ Tăng vốn bằng tiền	4.438.200.000	2.219.100.000	-	-	-	-	-	6.657.300.000
+ Tăng vốn bằng cổ phiếu	90.730.120.000	-	65.142.000.000	-	-	(155.872.120.000)	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	279.625.393.970	217.218.368.592	496.843.762.562
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(50.123.843.000)	(222.679.700.000)	(272.803.543.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Phân phối tại các Công ty con	-	-	-	-	-	(10.114.947.253)	(6.625.387.830)	(16.740.335.083)
Tăng khác	-	-	-	-	-	(14.106.518)	(11.541.695)	(25.648.213)
Tại ngày đầu năm nay	1.002.476.860.000	164.537.981.018	219.527.000.000	11.617.064.303	1.656.422.563	494.613.142.126	597.230.595.136	2.491.659.065.146
Tăng vốn trong năm	100.246.820.000	-	-	-	-	(100.246.820.000)	-	-
+ Tăng vốn bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Tăng vốn bằng cổ phiếu	100.246.820.000	-	-	-	-	(100.246.820.000)	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	219.102.972.528	185.915.566.113	405.018.538.641
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(50.123.843.000)	(167.352.250.000)	(217.476.093.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(2.919.805.433)	-	(2.919.805.433)
Phân phối tại các Công ty con	-	-	-	-	-	(9.408.454.536)	(6.501.204.378)	(15.909.658.914)
Tại ngày cuối năm nay	1.102.723.680.000	164.537.981.018	219.527.000.000	11.617.064.303	1.656.422.563	551.017.191.685	609.292.706.871	2.660.372.046.440

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	110.194.010.000	100.176.380.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	61.616.320.000	56.014.840.000
Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	61.607.230.000	56.006.580.000
Các cổ đông khác	869.306.120.000	790.279.060.000
Cộng	<u>1.102.723.680.000</u>	<u>1.002.476.860.000</u>

c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm Cổ phiếu</u>	<u>Số đầu năm Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.272.368	100.247.686
- Cổ phiếu phổ thông	110.272.368	100.247.686
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.272.368	100.247.686
- Cổ phiếu phổ thông	110.272.368	100.247.686
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.360.295.343.186	1.526.657.078.992
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.360.295.343.186	1.526.657.078.992
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.360.295.343.186</u>	<u>1.526.657.078.992</u>
Trong đó: Doanh thu với bên liên quan <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)</i>	72.372.573.475	108.266.417.577

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay VND</u>	<u>Năm trước VND</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	781.175.235.619	825.400.341.208
Cộng	<u>781.175.235.619</u>	<u>825.400.341.208</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.624.208.607	22.396.129.585
Lãi đầu tư trái phiếu	-	272.671.232
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	46.408.405	80.686.747
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.235.666.720	655.241.703
Cộng	51.906.283.732	23.404.729.267

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	147.019.035	579.431.186
Chi phí tài chính khác	37.130.734	155.349.831
Cộng	184.149.769	734.781.017

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí bán hàng khác	17.113.269.545	23.888.242.768
Cộng	17.113.269.545	23.888.242.768
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.365.048.983	1.436.706.392
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.800.242.727	2.016.664.787
Chi phí nhân viên quản lý	90.742.673.470	87.794.778.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định và hao mòn lợi thế thương mại	27.840.095.364	30.911.205.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.773.293.496	30.248.318.363
Chi phí bằng tiền khác	18.904.447.997	31.894.024.954
Cộng	175.425.802.037	184.301.698.713

6. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ	3.238.689.600	422.922.120
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	48.150.856.412	56.101.280.348
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51.389.546.012	56.524.202.468

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. LÃI CƠ BẢN/ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận/ Lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	219.102.972.528	279.625.393.970
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(2.287.839.600)	(2.919.805.433)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	216.815.132.928	276.705.588.537
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	110.272.368	110.272.368
Lãi cơ bản/ Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.966	2.509

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 căn cứ vào tỷ lệ trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 19/06/2023.

Trong năm căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ/ALS ngày 19/06/2023 thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022. Theo đó, Công ty thực hiện điều chỉnh lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 phù hợp với hướng dẫn tại Chuẩn mực Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu".

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và trả cổ tức bằng cổ phiếu như sau:

	Số báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	279.625.393.970	-	279.625.393.970
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	(2.598.671.438)	(321.133.995)	(2.919.805.433)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	277.026.722.532	(321.133.995)	276.705.588.537
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	100.047.686		110.272.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.769		2.509

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS HÀNG KHÔNG

Tầng 4 Ga hàng hóa ALS,
Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài,
Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội

MẪU SỐ B 09 - DN/HN

Ban hành kèm theo
Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Dịch vụ Sân bay phía Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ALS SDS	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Logistics ALAC	Công ty liên kết
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Điều hành Công ty

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Bán hàng	72.372.573.475	108.266.417.577
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	6.249.879.741	44.547.609.792
Công ty Cổ phần ALS SDS	66.122.693.734	63.718.807.785
b. Mua hàng	11.627.601.896	14.649.474.028
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	8.988.007.213	14.649.474.028
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	2.639.594.683	-
c. Góp vốn bằng tiền	1.350.000.000	1.350.000.000
Công ty Cổ phần Logistics ALAC	1.350.000.000	1.350.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng	12.419.440.280	12.078.778.170
Công ty Cổ phần ALS SDS	11.821.198.983	11.234.457.666
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	598.241.297	844.320.504
Phải trả người bán	1.096.117.364	1.084.110.436
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	867.136.255	1.084.110.436
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế	228.981.109	-
Phải thu khác	33.646.495.000	33.646.495.000
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dịch vụ Quốc tế	33.646.495.000	33.646.495.000
Phải trả khác	82.726.350	82.726.350
Công ty cổ phần ALS SDS	82.726.350	82.726.350
Chi phí phải trả	95.081.672	54.182.831
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	95.081.672	54.182.831

Thu nhập, thù lao và các khoản phụ cấp của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thù lao, phụ cấp của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	1.771.539.264	2.170.000.000
Cộng	1.771.539.264	2.170.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là dịch vụ logistics. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc công bố trên thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Đình Lợi
Người lập biểu



Ngô Quang Huy
Kế toán trưởng



Trương Vĩnh Hùng
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2024

H.H.K.

H.H.K.